

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **108/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 01/03/2022

V/v *Tranh chấp Ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền

2. Ông Tạ Công Minh

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Thị Phụng Tuyền-
Kiểm sát viên**

Ngày 01 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2021 về “*Tranh chấp Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị M** sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp TX, xã THĐ, huyện CT tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: **Nguyễn Thành N,** sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp TH xã THĐ, CT, Tiền Giang

(Chị M có mặt, Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Chị M và Anh N chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông vào năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn đã ly thân từ năm 2011 đến nay nên Chị M xin Tòa án giải quyết ly hôn với Anh N. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh năm 2007 và Nguyễn Duy T sinh năm 2010. Khi ly hôn chị M giao hai con chung cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo bản tự khai ngày 09/02/2022 anh Nguyễn Thành N trình bày:

Anh N đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị M, hai vợ chồng kết hôn và chung sống hạnh phúc tới 2011 thì phát sinh mâu thuẫn vì sống không hợp, đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Về con chung có 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh năm 2007 và Nguyễn Duy T sinh năm 2010. Khi ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị M và Anh N quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông vào năm 2008. Anh chị chung sống hạnh phúc đến 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị M và Anh N trình bày là do bất đồng quan điểm, sống không hợp đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị M làm đơn xin ly hôn với Anh N. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị M và Anh N là hôn nhân hợp pháp. Nay Chị M xin ly hôn với Anh N nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Nguyễn Thành N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh N

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị M:

Tại phiên tòa, Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Anh N lý do giữa Chị M và Anh N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2011, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, sống không hợp, chị và Anh N đã ly thân từ năm 2011 đến nay, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Anh N xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh đồng ý ly hôn với Chị M. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Chị M và Anh N đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ 2011 đến nay, Anh N cũng đồng ý ly hôn với Chị M, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị M và Anh N là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị M theo qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị M và Anh N có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh năm 2007 và Nguyễn Duy T sinh năm 2010. Khi ly hôn Chị M và Anh N thống nhất giao hai con chung là cháu N1 và cháu T cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng, Chị M không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân cho tới nay, hai cháu sống với Anh N được chăm sóc chu đáo, đồng thời nguyện vọng của hai cháu là được sống với Anh N, do đó cần giao hai cháu cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện cho các

cháu phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con chung cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị M và Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Chị M và Anh N xác định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí:

Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị M, cho Chị M ly hôn với Anh N, về con chung đề nghị giao hai con chung cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng, Chị M không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M: cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thành N

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh năm 2007 và Nguyễn Duy T sinh năm 2010 cho anh Nguyễn Thành N trực tiếp nuôi dưỡng, Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị M đã nộp theo biên lai số 0004326 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị M đã nộp xong án phí.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Tân Hội Đông, Châu Thành
- Đường sự
- Lưu hồ sơ, án văn.